Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

Tên dự toán: Đề tài: Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến chế biến các sản phẩm từ con hươu sao Hà Tĩnh .

Tên gói thầu: "Hóa chất, dụng cụ, vật tư".

Tên chủ đầu tư: Viện Phát triển Nguồn nhân lực và Nghiên cứu Ứng dụng Sản phẩm Thiên nhiên

Thời gian thực hiện gói thầu: 18 tháng.

Nguồn vốn thực hiện: NSNN.

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.

Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

Loại hợp đồng: Trọn gói..

Giá gói thầu: Giá gói thầu được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT và toàn bộ các chi phí vận chuyển, bàn giao, …..

2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Yêu cầu chung

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp catalogue/hình ảnh đầy đủ/tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu đáp ứng yêu cầu E-HSMT (Áp dụng bắt buộc đối với hàng hóa là hóa chất).

- Toàn bộ hàng hoá cung cấp cho gói thầu phải mới 100%, chưa qua sử dụng, nguyên đai nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất Hạn sử dụng còn lại kể từ ngày bàn giao không ít hơn 2/3 thời gian ghi trên bao bì sản phẩm đối với hàng hóa là hóa chất.

- Yêu cầu về vận chuyển: Nhà thầu phải vận chuyển, bàn giao hàng hóa đến địa điểm yêu cầu của Chủ đầu tư. Việc cung ứng hàng hóa phải đảm bảo đúng kỹ thuật, mỹ thuật và an toàn. Nhà thầu tự chịu toàn bộ chi phí và rủi ro có thể xảy ra trong quá trình vận chuyển và bàn giao hàng hóa.

- Yêu cầu về bảo hành: Nhà thầu không có cam kết thực hiện việc đổi/trả và cung cấp hàng hóa thay thế (cùng loại) trong trường hợp hàng hóa đã bàn giao không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc hư hại trong quá trình vận chuyển, bàn giao.

- Yêu cầu nhà thầu tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ "tương đương" hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

Bảng Yêu cầu kỹ thuật

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Dichloromethane KT	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥ 95%,
2	n-Hexan KT	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥ 95%
3	Ethanol KT	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥ 95%
4	Chloroform	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥ 99%
5	n-Hexan	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥ 99%
6	Diethyl ether	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥ 99,5%
7	Ethanol	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥ 99%
8	Axit acetic	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥ 99%
9	Natri hydroxit (NaOH)	Dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 97%
10	Axit boric H_3BO_3	Dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99%
11	Chỉ thị màu metyl đỏ $(CH_3)_2NC_6H_4N{=}NC_6H_4CO_2H$	Dạng rắn
12	Chỉ thị màu Coomassie Brilliant Blue G-250	Dạng rắn
13	Kali sulfat K_2SO_4	Dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99%
14	Copper (II) sulfate pentahydrate ($CuSO_4.5H_2O$)	Dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 98%
15	Bovine serum albumin (BSA)	Dạng bột, độ tinh khiết ≥ 98%
16	Phosphate-buffered saline (PBS)	Dạng lỏng
17	Ống chuẩn H_2SO_4 0,1N	Dạng lỏng, dùng để pha được 1000ml dung dịch H2SO4 chuẩn nồng độ 0,1N
18	Axit sunfuric H_2SO_4	Dạng lỏng, nồng độ ≥95%
19	Nước cất PT	Dạng lỏng, không màu
20	Môi trường nuôi cấy vi sinh PCA	Dạng bột
21	Môi trường nuôi cấy vi sinh VRBA	Dạng bột
22	Môi trường nuôi cấy vi sinh XLD	Dạng bột
23	Phosphoric acid (H3PO4)	Dạng lỏng, độ tinh khiết ≥85%
24	Bản mỏng TLC silica gel 60 F_{254}	Tấm kích thước 20x20cm
25	Nước cất 2 lần	Hàm lượng tổng chất rắn hòa tan ≤ 3, pH = 5,0-7,5
26	Silica gel pha thuận	Kích thước hạt: 0,040-0,063 mm
27	Silica gel pha đảo	Kích thước hạt: ≤ 0,063 mm
28	Papain	Dạng bột
29	Alcalase	Dạng lỏng

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật
30	Trypsin	Dạng bột
31	Cuvet thạch anh	Chất liệu thạch anh
32	Bình định mức 50 ML	Chất liệu thuỷ tinh, dung tích 50ml
33	Bình định mức 100 ML	Chất liệu thuỷ tinh, dung tích 100ml
34	Bình định mức 1000 ML	Chất liệu thuỷ tinh, dung tích 1000ml
35	Buret 10ML	Trong suốt, chất liệu thủy tinh, thang đo dễ đọc
36	Buret 50ML	Trong suốt, chất liệu thủy tinh, thang đo dễ đọc
37	Bình cầu 2000ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 2000 mL
38	Bình cầu 1000ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 1000 mL
39	Bình cầu 500 ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 500 mL
40	Bình cầu 250 ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 250 mL
41	Bình cô quay 500 ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 500 ml
42	Bình cô quay 100 ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 100 ml
43	Bình tam giác 2000 ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 2000 ml
44	Bình tam giác 1000 ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 1000 ml
45	Bình tam giác 500 ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 500 ml
46	Bình tam giác 100 ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 100 ml
47	Bình triển khai bản mỏng	Bình thủy tinh
48	Cốc đong 2000 ml	Chất liệu: Thủy tinh. Thang chia vạch dễ đọc, dung tích 2000ml
49	Cốc đong 1000 ml	Chất liệu: Thủy tinh. Thang chia vạch dễ đọc, dung tích 1000ml
50	Cốc đong 500 ml	Chất liệu: Thủy tinh. Thang chia vạch dễ đọc, dung tích 500ml
51	Phễu chiết quả lê 1000 ml	Chất liệu thủy tinh; Dung tích 1000 ml
52	Phễu chiết quả lê 500 ml	Chất liệu thủy tinh; Dung tích 500 ml
53	Phễu chiết quả lê 250 ml	Chất liệu thủy tinh; Dung tích 250 ml
54	Ống Eppendorf 2 ml	Nhựa, dung tích 2 mL, nắp bật
55	Khay để ống Eppendorf	Chất liệu nhựa
56	Ống Falcon 15 ml	Chất liệu: nhựa, thể tích 15ml, đáy nhọn, có chia vạch
57	Ống Falcon 50 ml	Chất liệu: nhựa, thể tích 50ml; đáy nhọn, có chia vạch
58	Lọ thủy tinh vial 1,5 ml	Thân chai bằng thủy tinh, nắp kín vặn bằng nhựa PE có đệm tráng nhựa PP
59	Lọ thủy tinh vial 4 ml	Thân chai bằng thủy tinh, nắp kín vặn

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về kỹ thuật
		bằng nhựa PE có đệm tráng nhựa PP
60	Cột sắc ký	Có màng ngăn và khoá nhựa
61	Micro pipet 100 - 1000 µl	Hút tự động dung dịch. Dải thể tích hút 100-1000 µl
62	Micro pipet 20 - 200 ul	Hút tự động dung dịch. Dải thể tích hút 20-200 µl
63	Đầu tip pipet 1000 µl	Vô trùng
64	Đầu tip pipet 200 µl	Vô trùng
65	Đĩa petri	Nhựa tiệt trùng
66	Màng parafilm	Rộng × Dài: 10cm × 38m; Kích thước cuộn: 4 inch × 125 ft
67	Giấy lọc Whatman	Đường kính lỗ lọc 20-25 µm, 90mm
68	Giấy lọc	Lỗ lọc 0,1-1 µm
69	Giấy chỉ thị pH	Hàng kỹ thuật
70	Găng tay y tế	Chất liệu cao su
71	Khẩu trang y tế	Khẩu trang 4 lớp
72	Đũa thuỷ tinh	Chất liệu thủy tinh

3. Các yêu cầu khác: Nhà thầu phải có nộp các bản cam kết:

+ Đảm bảo số lượng, chủng loại và nguồn gốc hàng hóa hợp pháp khi tham dự thầu

+ Cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng…của hàng hóa khi có yêu cầu của Chủ đầu tư

+ Thu hồi hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc không sử dụng được, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

4. Bản vẽ: Không

5. Kiểm tra, thử nghiệm:

Ngay khi nhà thầu vận chuyển, bàn giao hàng hóa tại địa điểm thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa với các đặc tính kỹ thuật như đã nêu. Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra hàng hóa và các tài liệu, chứng từ chứng từ hợp lệ kèm theo hóa đơn GTGT liên quan tới các sản phẩm hàng hóa bằng các hình thức thông thường như: Bằng mắt, đếm số lượng, đo kích thước ... Nếu quy cách, chất lượng hàng hoá hoặc giấy tờ liên quan không đảm bảo, nhà thầu phải thay đổi khối lượng hàng hóa đảm bảo quy cách, chất lượng với khối lượng tương đương hàng hóa đề nghị thay thế. Mọi chi phí liên quan do nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán